

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Dương Văn Tính.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị K**, sinh năm 2000. Địa chỉ cư trú: **ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Điệp A**, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: **ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Lê Thị K**, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Điệp A** cưới nhau vào ngày 24/4/2017, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh **Điệp A** cùng sống bên gia đình chị, đến khi sinh con chung thì về bên nhà anh **Điệp A** sinh sống. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu

hạnh phúc đến khoảng tháng 08-09 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, anh **Điệp A** khinh thường gia đình chị, thường xuyên uống rượu say, không chăm lo cho vợ con, có một lần con chung **Hải Đ** bệnh nằm viện chị kêu anh **Điệp A** phụ chị chăm con thì anh **Điệp A** đánh chị. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh **Điệp A** không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh **Huỳnh Văn Điệp A**.

Về nuôi con chung: Chị và anh **Điệp A** chung sống có 01 con chung, là con trai tên **Huỳnh Hải Đ1**, sinh ngày 09/4/2018. Hiện con chung đang sống cùng anh **Điệp A** từ cuối năm 2020 cho đến nay, khi về nhà mẹ ruột sinh sống chị không đem con chung Hải Đăng theo là do gia đình anh **Điệp A** có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung Hải Đăng tốt, đầy đủ hơn chị. Anh **Điệp A** lúc trước làm bên xây dựng, còn hiện tại làm công việc gì chị không rõ, hiện chị đang làm thuê, thu nhập mỗi tháng được 5.000.000đ, trừ tiền sinh hoạt cá nhân còn dư lại khoảng 3.000.000đ nhưng mẹ chị bệnh nên cần chị chăm sóc, lo lắng, khi con chung sống với anh **Điệp A** mỗi lần đi làm về chị có đến thăm, có gọi quá, cũng có gọi tiền nhưng gia đình anh **Điệp A** không nhận và nói có khả năng nuôi dưỡng con chung **Hải Đ1**, kêu chị để dành tiền lo cho mẹ. Chị thống nhất giao con chung cho anh **Điệp A** tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh **Điệp A** chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh **Điệp A** chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh **Huỳnh Văn Điệp A** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **Điệp A** vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị **K**.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Lê Thị K**, cho chị **Lê Thị K** được ly hôn với anh **Huỳnh Văn Điệp A**. Về nuôi con chung: Giao con chung **Huỳnh Hải Đ1**,



sinh ngày 09/4/2018 cho anh **Điệp A** tiếp tục nuôi dưỡng, chị **K** không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị **Lê Thị K** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh **Huỳnh Văn Điệp A**. Hiện anh **Điệp A** đang cư trú tại **ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh **Huỳnh Văn Điệp A** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh **Điệp A** vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh **Điệp A** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị **Lê Thị K** và anh **Huỳnh Văn Đ2** Anh được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 19/02/2019 tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị **Lê Thị K** là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị **K** và anh **Điệp A** đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị **K**, anh **Điệp A** đoàn tụ nhưng chị **K** vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Anh **Điệp A** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **Điệp A** cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị **K**, điều này cho thấy anh **Điệp A** không có thiện chí để đoàn tụ với chị **K**. Nhận thấy hôn nhân giữa chị **K** và anh **Điệp A** không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **K**, cho chị **Lê Thị K** được ly hôn với anh **Huỳnh Văn Điệp A** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Con chung **Huỳnh Hải Đ1**, sinh ngày 09/4/2018, hiện đang sống cùng anh **Diệp A** ổn định và được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời chị **K** thống nhất giao con chung Hải Đăng cho anh **Diệp A** tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, nghĩ nên giao con chung Hải Đăng cho anh **Diệp A** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị **Lê Thị K** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Hải Đăng. Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh **Huỳnh Văn Diệp A** cũng không có văn bản gửi cho Tòa án là có yêu cầu chị **K** cấp dưỡng nuôi con chung không, sau này nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị **K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị **K** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh **Diệp A** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị **K** theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung chị **K** trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị **Lê Thị Kim c** 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004190 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.



Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị K.** Cho chị **Lê Thị K** được ly hôn với anh **Huỳnh Văn Điệp A.**

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung **Huỳnh Hải Đ1**, sinh ngày 09/4/2018 cho anh **Huỳnh Văn Đ2** Anh được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị **Lê Thị K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị **K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị **K** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh **Điệp A** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị **K**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lê Thị Kim c** 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004190 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**